

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-PT
Ngày 13-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Ung Quang Định và bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2026/TLPT-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo **Sou Thị M** do có kháng cáo của người đại diện của bị hại **Dương Xuân H** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** **Sou Thị M**, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1958 tại tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú: **Tổ A, phường T, tỉnh Gia Lai**; căn cước công dân: 064158004253 do **Cục Q** về TTXH cấp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Sou Fou H1** và bà **Trịnh Thị T** (đều đã chết); có chồng là **Trịnh Xuân T1** và 04 người con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:** Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1985, địa chỉ: **A B, tổ A, phường P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đại diện theo ủy quyền của bị hại có kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Dương Xuân H**, sinh năm 1985; địa chỉ: **A B, tổ A, phường P, tỉnh Gia Lai**. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Trịnh Thị Thanh X**, sinh năm 1980, địa chỉ: **Tổ B, phường T, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Trịnh Ca T2**, sinh năm 1994, địa chỉ: **Tổ B, phường T, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 2002; địa chỉ: **Tổ D, phường D, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà **Nguyễn Thị H2** là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, bị dị tật, có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61%-81%, không thể tự đi lại, không có khả năng lao động, được Nhà nước trợ cấp hàng tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật và theo hồ sơ trợ cấp của **Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh G**, thì bà **H2** thuộc trường hợp “người không có khả năng tự vệ”.

Nguyễn Thị H2 và chồng là **Dương Xuân H** (sinh năm 1985) có quan hệ quen biết, vay mượn tiền của **Sou Thị M**. Ngày 23/8/2023, bà **H2**, ông **H** có viết 01 giấy cam kết với bà **M** về việc đến ngày 03/9/2023 sẽ trả nợ cho **M** số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó, do chưa có tiền trả cho bà **M**, nên ông **H**, bà **H2** đã nhiều lần khất nợ. Khoảng 16 giờ ngày 27/9/2023, bà **M** nói ông **Trịnh Ca T2** (sinh năm 1994, là con trai bà **M**) cùng với ông **Nguyễn Tấn P** (sinh năm 2002, trú **Tổ D, phường D, Thành phố P, tỉnh Gia Lai**) đến nhà bà **H2**, ông **H** thuê tại **số B đường C, phường H, Thành phố P** để lấy tiền nợ cho bà **M**. Khi ông **T2** và ông **P** đến, thì bà **H2** và ông **H** nói hiện không có tiền để trả, nên giữa ông **T2** và bà **H2**, ông **H** xảy ra cãi nhau; ông **T2** gọi điện thoại nói lại sự việc cho bà **M** nghe, để bà **M** đến giải quyết. Một lúc sau, bà **M** và bà **Trịnh Thị Thanh X** (sinh năm 1980, là con gái bà **M**) đến nói chuyện với vợ chồng **H2, H**, thì hai bên tiếp tục xảy ra cãi nhau. Lúc này khoảng 17 giờ ngày 27/9/2023, bức tức vì **H2** không trả tiền và tranh cãi, nên bà **M** dùng tay phải tát 01 cái trúng vào vùng miệng của **H2** gây thương tích. Ngay sau đó, ông **H** đến **Công an phường H, Thành phố P** trình báo vụ việc và đưa bà **H2** đến **Bệnh viện đa khoa tỉnh G** điều trị thương tích do bị bà **M** đánh.

Qua giám định, tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 655/KLTTCT-TTPY ngày 22/12/2023 của **Trung tâm pháp y tỉnh G**, kết luận thương tích của **Nguyễn Thị H2** như sau:

“1. Kết luận chính: 01 sẹo niêm mạc khoang miệng bên phải.

2. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của **Bộ Y** quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Nguyễn Thị H2** tại thời điểm giám định là: 1% (Một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư”.

Ngày 04/12/2024, bà **Nguyễn Thị H2** có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự

Quá trình điều tra vụ án, **Sou Thị M** cho rằng thương tích ở khoang miệng bên phải của bị hại **Nguyễn Thị H2** không phải do bị cáo **M** gây ra, vì bị cáo **M** tát vào má bên trái của **H2**; bị cáo **M** cũng không đồng ý với kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại **H2**. Cơ quan điều tra đã yêu cầu **Trung tâm Pháp y tỉnh G** giải thích về Kết luận giám định số 655/KLTTCT-TTPY ngày 22/12/2023, thì **Trung tâm Pháp y tỉnh G** xác định kết luận giám định là đúng theo quy định tại Thông tư 22/2019 của **Bộ Y**. Do vậy, không có căn cứ để giám định lại thương tích của bị hại **H2** theo yêu cầu của bị cáo **M**.

Về dân sự: Bị hại **Nguyễn Thị H2** chưa yêu cầu bị cáo **Sou Thị M** bồi thường về dân sự.

- Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Sou Thị M** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Sou Thị M** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an tỉnh G** nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Sou Thị M**.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường T**, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Nội dung kháng cáo:

Ngày 18/12/2025, người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông **Dương Xuân H** kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm với các nội dung:

+ Tòa sơ thẩm không cho người đại diện theo ủy quyền của bị hại tiếp cận, sao chụp hồ sơ vụ án nên dẫn đến việc không được tiếp cận chứng cứ buộc tội là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

+ Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thời hạn giám định đối với thương tích **R** – Hàm – Mặt và dự liệu Video dẫn đến bỏ lọt thương tích và nguy cơ bỏ lọt tội phạm đối với người đi cùng;

+ Vụ án xảy ra gần 02 năm mới xét xử là vi phạm thời hạn tố tụng giải quyết vụ án;

+ Tranh chấp 170.000.000đ đang được TAND tỉnh Gia Lai tạm đình chỉ giải quyết, chưa có quyết định cuối cùng về nợ, nhưng Cáo trạng và Bản án sơ thẩm xác định động cơ mâu thuẫn nợ tiền là định kiến buộc tội.

Đề nghị Hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ điều tra lại và xem xét trách nhiệm tố tụng cử Hội đồng xét xử sơ thẩm về cản trở quyền tiếp cận hồ sơ của bị hại.

- Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông **Dương Xuân H** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo khai báo hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã xét xử.

Kiểm sát viên có quan điểm: Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm các Cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Dương Xuân H kháng cáo trong hạn luật định, đúng phạm vi kháng cáo nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử. HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Xuất phát từ việc vay mượn tiền giữa bị cáo Sou Thị M với vợ chồng bà Nguyễn Thị H2, ông Dương Xuân H. Khoảng 16 giờ ngày 27/9/2023, bị cáo có nhờ con trai là Trịnh Ca T2 đến nhà bà H2 thuê trọ tại số B đường C, Tổ A phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai để đòi tiền. Tại đây, các bên có lời qua tiếng lại và không thống nhất về việc trả nợ, nên Trịnh Ca T2 đã gọi điện thoại thông báo cho bà M về việc không lấy được tiền nợ từ bà H2, ông H và nói bà M tới để giải quyết. Một lúc sau, khoảng 17 giờ ngày 27/9/2023, bị cáo M cùng con gái là Trịnh Thị Thanh X đến nhà bà H2 thuê, do bức tức vì Nguyễn Thị H2 không trả tiền đúng hẹn và còn có lời nói qua lại, nên bị cáo M dùng tay phải tát 01 cái trúng vào vùng mặt bên phải của bà H2. Theo kết luận giám định, bị hại Nguyễn Thị H2 bị tổn thương cơ thể 01%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Dương Xuân H:

3.1. Đối với nội dung Tòa sơ thẩm không cho người đại diện theo ủy quyền của bị hại tiếp cận, sao chụp hồ sơ vụ án nên dẫn đến việc không được tiếp cận chứng cứ buộc tội là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng

Xét thấy tại giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử ông H tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H mới nộp đơn đăng ký với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 không có quy định cụ thể riêng biệt về quyền tiếp cận sao, chép hồ sơ vụ án của bị hại và "người đại diện theo ủy quyền" của bị hại. Bị hại bà H2 có văn bản ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng. Người được ủy quyền chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền. Nhằm bảo đảm tính khách quan hoặc tránh lộ lọt thông tin, thì cơ quan tiến hành tố tụng có lý do để hạn chế quyền này.

Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa phúc thẩm đã xác định ông H tham gia tố tụng đồng thời với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và đã tạo điều kiện để cho ông H tiếp cận hồ sơ vụ án để sao, chép thông tin bảo vệ quyền lợi cho bị hại theo qui định.

3.2. Về cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thời hạn giám định đối với thương tích R – Hàm – Mặt và dự liệu Video dẫn đến bỏ lọt thương tích và nguy cơ bỏ lọt tội phạm đối với người đi cùng;

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu thập được bản sao tóm tắt bệnh án của bị hại Nguyễn Thị H2. Hồ sơ bệnh án thể hiện bị hại Nguyễn Thị H2 kêu đau răng và đã được bác sĩ cho đi khám răng theo yêu cầu, tại hồ sơ bệnh án thể hiện lúc 13giờ ngày 29/9/2023 bị hại Nguyễn Thị H2 có y lệnh của bác sĩ cho Nguyễn Thị

H2 đi khám chuyên khoa Răng hàm mặt, lúc 13 giờ 50 phút ngày 29/9/2023 bác sỹ chuyên khoa Răng hàm mặt là ông **Trần Duy M1** đã khám và kết luận “Hiện tại răng không gãy, gõ đau vùng răng hàm trên (p), miệng há lớn, khớp cắn đúng” điều này chứng minh rằng của bị hại **Nguyễn Thị H2** không bị gãy và không có ảnh hưởng gì. Do đó việc kết quả giám định thương tích của bị hại bà **H2** là phù hợp với tình trạng ban đầu và hậu quả do bị cáo gây ra.

- Về việc giám định dự liệu Video: Theo kết luận giám định của **Phòng K**, xác định: Đoạn video không bị cắt ghép, chỉnh sửa, hơn nữa qua lời khai của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều thừa nhận bị cáo **Sou Thị M** có tát bị hại một cái. Tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị H2** và ông **Dương Xuân H** đều khẳng định chỉ có bị cáo **M** tát bà **H2**, ngoài ra không có ai tham gia đánh bị hại **Nguyễn Thị H2**. Đoạn Video clip trên phù hợp với tất cả các lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với sự thật khách quan và hoàn toàn không có mâu thuẫn, việc giám định đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Do đó kháng cáo về bỏ lọt thương tích và nguy cơ bỏ lọt tội phạm đối với người đi cùng là không có căn cứ.

3.3. Về nội dung vi phạm thời hạn tố tụng giải quyết vụ án (vụ án xảy ra gần 02 năm mới xét xử);

Ngày 05/10/2023, sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố P** (nay là **công an tỉnh G**) đã ra Quyết định phân công phó thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên thụ lý nguồn tin về tội phạm. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Công văn gửi **Phòng Lao động thương binh xã hội thành phố P** và **Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh G** để thu thập hồ sơ, xác định bà **Nguyễn Thị H2** có phải là người khuyết tật không? Do hết thời hạn xác minh nguồn tin về tội phạm, Cơ quan điều tra vẫn chưa nhận được kết quả trả lời để làm căn cứ khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự; nên ngày 28/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Ngày 18/11/2024, sau khi có kết quả trả lời, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Ngày 04/12/2024 bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án. Ngày 18/12/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can **Sou Thị M** về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 18/4/2025, Cơ quan điều tra có kết luận điều tra và chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Pleiku, đề nghị truy tố đối với bị can **Sou Thị M** về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 29/4/2025, Viện kiểm sát ban hành cáo trạng truy tố đối với bị can **Sou Thị M** về tội “Cố ý gây thương tích” và chuyển hồ sơ đến Tòa án cùng cấp để thực hiện việc xét xử. Như vậy, thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

3.4 Về nội dung TAND tỉnh Gia Lai tạm đình chỉ giải quyết tranh chấp nợ 170.000.000đ, chưa có quyết định cuối cùng, nhưng Cáo trạng và Bản án sơ thẩm xác định động cơ mâu thuẫn trong vụ án do nợ tiền là định kiến buộc tội.

Theo kết quả điều tra, việc bị cáo cho bị hại vay tiền, bị hại chưa trả, bị cáo đến đòi nợ dẫn đến mâu thuẫn xảy ra vụ án là có thật. Việc các bên đang tranh chấp

khoản vay 170.000.000đ chưa được TAND tỉnh Gia Lai giải quyết không liên quan gì đến việc vụ án này.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận tòa bộ kháng cáo của ông **Dương Xuân H** là người đại diện theo ủy quyền của bị hại. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông **Dương Xuân H**, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 73/2025/HS-ST ngày 17-12-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Sou Thị M** 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự **Công an tỉnh G** nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo **Sou Thị M**.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân phường T**, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông **Dương Xuân H** không phải án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 7;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sinh